TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B – TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **153** /2023/HS-ST
Ngày: 26/12/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Thu Hường**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Văn Hoan***;* Ông **Nguyễn Xuân Thuật**

- *Thư ký ghi phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị M Hải** – Thư ký TAND huyện B, thành phố Hà Nội

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dânhuyện B , TP. Hà Nội tham gia phiên tòa:* Ông **Đỗ Xuân Hưng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B đưa ra xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 150/2023/TLST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2023/QĐXXST-HS, ngày 11/12/2023 đối với các bị cáo:

1.**Họ và tên: Phùng Đức M, s**inh năm: 1979. Tên gọi khác: Phùng Đức H. Nơi cư trú: Thôn Mộc, xã MQ, huyện B, Hà Nội. Trình độ văn hóa 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Phùng Văn Thành, sinh năm 1950; Con bà Nguyễn Thị Thông, sinh năm 1953. Vợ là Lê Thị Năm, sinh năm 1981. Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2006. Tiền án, tiền sự : Không. Nhân thân: Tại Bản án số 22/HSPT ngày 29/11/2017

của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xử phạt Phùng Đức Hạnh (tên khác M) 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ quy định tại Điều 202 BLHS năm 1999. Hạnh đã nộp 200.000 đồng tiền án phí ngày 14/3/2018, (đã được xóa án tích). Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/10/2023 đến ngày 18/10/2023. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2.Họ và tên: Ngô Văn S, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Thôn Pheo, xã MQ, huyện B, Hà Nội. Trình độ văn hóa 05/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Ngô Bá Liệu và bà Ngô Thị Mùi (đều đã chết). Vợ là Lê Thị Bích Dậu, sinh năm 1982. Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự : Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/10/2023 đến ngày 18/10/2023. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

3.Họ và tên: Chu Văn C, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Thôn Mộc, xã MQ, huyện B, Hà Nội. Trình độ văn hóa 07/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Chu Văn Hảo, sinh năm 1927; Con bà Nguyễn Thị Dung (đã chết). Vợ: Phùng Thị Hồng, sinh năm 1970; Con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự : Không.. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/10/2023 đến ngày 18/10/2023. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

4.Họ và tên: Lê Trung K, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Thôn Mộc, xã MQ, huyện B, Hà Nội. Trình độ văn hóa 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Lê Đức Định và bà Nguyễn Thị La (đều đã chết). Vợ là Trần Thị V, sinh năm 1979. Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự : Không.. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày

12/10/2023 đến ngày 18/10/2023. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

5.Họ và tên: Khuất Đình V, sinh năm: 1967. Nơi cư trú: Thôn Mộc, xã MQ, huyện B, Hà Nội. Trình độ văn hóa 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Khuất Đình Nghĩa và bà Nguyễn Thị Tỉnh (đều đã chết). Vợ là Nguyễn Thị Xuân, sinh năm 1968. Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 1996. Tiền án, tiền sự : Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/10/2023 đến ngày 18/10/2023. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

6.Họ và tên: Vũ Văn D, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Thôn Mộc, xã MQ, huyện B, Hà Nội. Trình độ văn hóa 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Vũ Văn Đại (đã chết); Con bà Đặng Thị Thi, sinh năm 1949. Vợ là Nguyễn Thị Hằng, sinh năm 1984. Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự : Không. Bị cáo bị bắt
tạm giữ từ ngày 12/10/2023 đến ngày 18/10/2023. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

7.Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh năm: 1971. Nơi cư trú: Thôn Mộc, xã MQ, huyện B, Hà Nội. Trình độ văn hóa 02/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Văn Tuyến (đã chết); Con bà Ngô Thị Thơm, sinh năm 1952. Vợ là Nguyễn Thị Hiền, sinh năm 1977. Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự : Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/10/2023 đến ngày 18/10/2023. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

8.Họ và tên: Hà Văn L (tức Hà Quang L), sinh năm: 1977. Nơi cư trú: Thôn Mộc, xã MQ, huyện B, Hà Nội. Trình độ văn hóa 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không. Con ông Hà Văn Thiết (đã chết); Con bà Nguyễn Thị Thịnh, sinh năm 1953. Vợ là: Phùng Thị Nguyệt, sinh

năm 1982. Có 01 con, sinh năm 2003. Tiền án, tiền sự : Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/10/2023 đến ngày 18/10/2023. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

9.Họ và tên: Nguyễn Đình T1, sinh năm: 1981. Nơi cư trú: Thôn Nội, xã MQ, huyện B, Hà Nội. Trình độ văn hóa 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Đình Chiến, sinh năm 1947; Con bà Khuất Thị Hiên, sinh năm 1952. Vợ con: chưa có. Tiền án, tiền sự : Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/10/2023 đến ngày 18/10/2023. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

10.Họ và tên: Phạm Đức S1, sinh năm: 1978. Nơi cư trú: Thôn Nội, xã MQ, huyện B, Hà Nội. Trình độ văn hóa 04/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Phạm Hữu Sử, sinh năm 1941; Con bà Đỗ Thị Lê, sinh năm 1952. Vợ là: Lý Thị Thanh, sinh năm 1979. Có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2007. Tiền án, tiền sự : Không. Nhân thân: Tại Bản án số 06/HSST ngày 10/02/2020 của Tòa án nhân dân thị xã S1 Tây- TP Hà Nội xử phạt Phạm Đức S1 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc quy định tại Điều 321 BLHS năm 2015. Án phí HSST là 200.000 đồng. S1 đã nộp 200.000 đồng tiền án phí ngày 11/9/2020, (đã được xóa án tích). Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/10/2023 đến ngày 18/10/2023. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Sáng ngày 12/10/2023, Ngô Văn S, Khuất Đình V, Chu Văn C, Nguyễn Văn T, Lê Trung K, Vũ Văn D, Nguyễn Đình T1, Phạm Đức S1 và Hà Văn L đến nhà Phùng Đức M để ăn cỗ. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, sau khi ăn uống xong các đối tượng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức chơi "Ba cây" thắng thua bằng tiền. Phùng Đức M đồng ý cho các đối tượng đánh bạc tại nhà mình và lấy 01 bộ bài tú lơ khơ màu xanh đưa cho các đối tượng sử dụng làm C cụ đánh bạc. Luật chơi do các đối tượng tự quy ước như sau: sử dụng các quân bài A, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 trong bộ bài lơ khơ 52

quân (bỏ các quân 10, J, Q, K). Khi bắt đầu chơi, mỗi con bạc được chia 03 quân bài người nào có điểm cao nhất sẽ được cầm chương. Trong mỗi ván bạc, người cầm chương sẽ chia cho các con bạc mỗi người 03 quân bài. Các con bạc sẽ đặt cược với người cầm chương với mức cược thấp nhất là 50.000đ, mức cược cao nhất tùy theo người cầm chương nhận của các con bạc. Tỷ lệ cược 1 ăn 1. Nguyên tắc tính điểm như sau: quân A tính 1 điểm, các quận 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 được tính lần lượt tương ứng với số. Điểm chung của bài ba cây là tổng điểm của 03 quân bài nhưng chỉ lấy phần D từ 1 đến 10. Người có điểm cao hơn là người thắng. trong T1 hợp những người có cùng điểm sẽ so sánh quân bài to nhất trong 03 quân bài với ưu tiên "chất" trước theo thứ tự Rô, Cơ, Tép, Bích. Ngoài ra quá trình chơi người nào được 10 điểm là người cầm chương của ván tiếp theo.Tang vật thu giữ: 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân; số tiền 15.949.000 đồng (gồm 5.750.000 đồng trên chiếu bạc và 10.199.000 đồng trên người các con bạc).

Khi đánh bạc, V Khuất V mang theo trên người số tiền 3.160.000 đồng; Chu Văn C mang theo trên người số tiền 3.150.000 đồng; Lê Trung K mang theo trên người số tiền 2.600.000 đồng; Ngô Văn S mang theo trên người số tiền 1.929.000 đồng nhưng chỉ bỏ 400.000đ để đánh bạc; Vũ Văn D mang theo trên người số tiền 800.000 đồng; Nguyễn Văn T mang theo trên người số tiền 780.000 đồng; Nguyễn Đình T1 vay của Phùng Đức M số tiền 500.000 đồng; Hà Văn L mang theo trên người số tiền 300.000 đồng và Phạm Đức S1 mang theo trên người số tiền 200.000 đồng.

Đến khoảng 18h00' ngày 13/10/2023, Nguyễn Đình T1, Phạm Đức S1 và Hà Văn L đã đến C an huyện B để đầu thú và khai nhận rõ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tổng số tiền thu giữ trên chiếu bạc số tiền: 5.750.000 đồng, trên người các đối tượng số tiền: 10.199.000 đồng, trong đó thu giữ trên người Phùng Đức M số tiền 2.530.000 đồng (M khai không sử dụng vào mục đích đánh bạc).

Do vậy tổng số tiền các con bạc sử dụng vào đích đánh bạc là 13.419.000 đồng (bao gồm 5.750.000 đồng trên chiếu bạc và 7.669.000 đồng trên người các con bạc).

Vật chứng CQĐT đã thu giữ:

- 01 (một) bộ bài tú lơ khơ màu xanh gồm 36 quân bài (đã qua sử dụng).

-Tổng số tiền thu giữ là: 15.949.000 đồng. (Cụ thể gồm: Số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 5.750.000 đồng; Số tiền trên người các con bạc sử dụng vào mục đích đánh bạc là 7.669.000 đồng; Số tiền 2.530.000 đồng trên người Phùng Đức M. M khai không sử dụng vào mục đích đánh bạc).

Đối với các vật chứng nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã ra Quyết định chuyển vật chứng đến Kho vật chứng và tài khoản tại kho bạc của cơ quan Thi hành án dân sự huyện B để phục vụ quá trình giải quyết án.

Tại bản Cáo trạng số: 164/CT-VKS, ngày 30/11/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo Phùng Đức M, Ngô Văn S, Chu Văn C, Lê Trung K, Khuất Đình V, Vũ Văn D, Nguyễn Văn T, Hà Văn L, Nguyễn Đình T1, Phạm Đức S1 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Đức S1 từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 30 tháng đến 36 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt: Bị cáo Phùng Đức M từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 tháng đến 30tháng, kể từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s,i khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Ngô Văn S, bị cáo Chu Văn C, bị cáo Lê Trung K, bị cáo Khuất Đình V từ 9 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s,i khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn D, bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo Hà Văn L, bị cáo Nguyễn Đình T1 phạt từ 30.000.000đ đến 35.000.000đ.

Về vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bộ bài tú lơ khơ màu xanh gồm 36 quân bài (đã qua sử dụng) ; Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng vào đánh bạc là 13.419.000đ; Trả bị cáo Phùng Đức M số tiền 2.530.000đ. Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Điều tra, và các tài liệu chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở để xác định: Vào ngày 12/10/2023, bị cáo Phùng Đức M đã cho các bị cáo Ngô Văn S, Chu Văn C, Lê Trung K, Khuất Đình V, Vũ Văn D, Nguyễn Văn T, Hà Văn L, Nguyễn Đình T1, Phạm Đức S1 đánh bạc, sát phạt nhau bằng tiền tại nhà ở của mình. Hình thức đánh bạc "Ba cây" với tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào đánh bạc là 13.419.000đ *(Mười ba triệu, bốn trăm mười chín nghìn đồng*). Hành vi của các bị cáo Phùng Đức M, Ngô Văn S, Chu Văn C, Lê Trung K, Khuất Đình V, Vũ Văn D, Nguyễn Văn T, Hà Văn L, Nguyễn Đình T1, Phạm Đức S1 đã cấu thành tội *"Đánh bạc"* tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

[3] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương. Đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền là một tệ nạn xã hội làm phát sinh nhiều các tệ nạn xã hội và

các tội phạm khác, ảnh hưởng xấu tới năng suất lao động, các mối quan hệ gia đình xã hội của mỗi cá nhân. Do vậy cần phải có mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục riêng và làm bài học cảnh tỉnh chung.

Trong vụ án này có đồng phạm, nhưng với tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công, mà cùng tham gia chơi đánh bạc. Song, để áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi của từng bị cáo, HĐXX đánh giá vai trò của các bị cáo để việc áp dụng hình phạt được phù hợp, đúng tính chất, mức độ, hành vi đối với mỗi bị cáo.

Đối với bị cáo Phùng Đức M không tham gia đánh bạc nhưng đồng ý cho các bị cáo sử dụng nhà ở của mình cho các bị cáo khác thực hiện hành vi đánh bạc, ngoài ra bị cáo M còn cho bị cáo T1 vay số tiền 500.000đ để sử dụng vào mục đích đánh bạc, bản thân bị cáo có nhân thân xấu. Do vậy, HĐXX xác định bị cáo M có vai trò đầu vụ.

Đối với bị cáo Phạm Đức S1 sử dụng số tiền 200.000đ tham gia đánh bạc nhưng bị cáo có nhân thân xấu. Do vậy, HĐXX xác định bị cáo S1 đứng thứ 2 trong vụ án.

Đối với bị cáo Chu Văn C mang theo số tiến đánh bạc là 3.150.000đ. Bị cáo Lê Trung K sử dụng số tiền 2.600.000đ mang theo để đánh bạc. Bị cáo Khuất Đình V mang theo số tiền đánh bạc là 3.160.000 đ mang theo để đánh bạc. Do vậy, các bị cáo đứng vai trò thứ ba trong vụ án.

Đối với bị cáo Vũ Văn D sử dụng số tiền 800.000đ; bị cáo Nguyễn Văn T sử dụng số tiền 780.000đ để đánh bạc, bị cáo Nguyễn Đình T1 sử dụng số tiền 500.000đ. Do vậy, các bị cáo đứng vai trò thứ tư trong vụ án.

Đối với bị cáo Ngô Văn S sử dụng số tiền 400.000đ để đánh bạc, bị cáo Hà Văn L sử dụng số tiền 300.000đ. Do vậy, các bị cáo đứng vai trò cuối cùng trong vụ án.

[4] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa các bị cáo Phùng Đức M, Ngô Văn S, Chu Văn C, Lê Trung K, Khuất Đình V, Vũ Văn D, Nguyễn Văn T, Hà Văn L, Nguyễn Đình T1, Phạm Đức S1 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; Các bị cáo Ngô Văn

S, Chu Văn C, Lê Trung K, Khuất Đình V, Vũ Văn D, Nguyễn Văn T, Hà Văn L, Nguyễn Đình T1 phạm tội lần đầu, thuộc T1 hợp ít nghiêm trọng được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Bị cáo Nguyễn Đình T1, Hà Văn L, Phạm Đức S1 đã ra cơ quan điều tra đầu thú, bố đẻ bị cáo Phạm Đức S1 là ông Phạm Hữu Sử được nhà nước tặng Huân trương kháng chiến hạng ba, bố đẻ bị cáo Phùng Đức M là ông Phùng Văn Thành được nhà nước tặng Huân chương chiến sĩ giải phóng, Huân chương chiến sĩ vẻ vang, Huân chương kháng chiến nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Qua xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo HĐXX thấy: Bị cáo Phùng Văn M giữ vai trò đầu vụ, bị cáo đã cho các bị cáo khác dùng nhà của mình để tham gia đánh bạc, bị cáo không thu phế của các con bạc, bị cáo Phạm Đức S1 tham gia đánh bạc với số tiền đánh bạc ít nhất 200.000đ , bản thân 2 bị cáo M và S1 có nhân thân xấu đã được xoá án tích theo Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng.Do vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi địa phương mà để bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ sức răn đe giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

Các bị cáo Khuất Đình V, Chu Văn C, Lê Trung K, Vũ Văn D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Đình T1 đều có nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, thuộc T1 hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy các bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc không bắt các bị cáo đi chấp hành án phạt tù, cũng không ảnh hưởng đến C cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, do vậy áp dụng Điều 36 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017 cho các bị cáo được cải tạo không giam giữ tại địa phương để cho các bị cáo có thêm cơ hội sửa chữa lỗi lầm. Miễn khấu trừ thu nhập của các bị cáo.

Các bị cáo Ngô Văn S, Hà Văn L đều sử dụng số tiền đánh bạc không lớn. Tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình đã thực hiện, các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, lần phạm tội này được

xác định phạm tội lần đầu và thuộc T1 hợp ít nghiêm trọng. Do vậy việc áp dụng hình phạt chính là phạt tiền quy định tại Điều 35 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017 cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo, cho các bị cáo có cơ hội để sửa chữa lỗi lầm.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 3 Điều 321 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 50.000.000đ. HĐXX xét thấy điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình các bị cáo rất khó khăn, không có nghề nghiệp, C việc và thu nhập ổn định, do vậy HĐXX xét miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo.

[7] Về vật chứng vụ án: áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS vật chứng được xử lý như sau:

01 (một) bộ bài tú lơ khơ màu xanh gồm 36 quân bài (đã qua sử dụng) là C cụ phương tiện phạm tội nên tịch thu tiêu hủy. Số tiền 13.419.000đ thu giữ tại chiếu bạc và trên người các bị cáo là C cụ phương tiện phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với số tiền 2.530.000đ thu giữ của bị cáo Phùng Đức M quá trình điều tra không chứng M được bị cáo dùng vào việc phạm tội nên được trả lại cho bị cáo M.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/ Xử: Tuyên bố các bị cáo **Phùng Đức M, Ngô Văn S, Chu Văn C, Lê Trung K, Khuất Đình V, Vũ Văn D, Nguyễn Văn T, Hà Văn L, Nguyễn Đình T1, Phạm Đức S1** phạm tội ***"Đánh bạc".***

2/ Về hình phạt:

+ Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Phùng Đức M** ***(tức Phùng Đức H***) **15 (Mười lăm)** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo **Phạm Đức S1 12 (Mười hai)** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Phùng Đức M và Phạm Đức S1 về UBND xã MQ, huyện B, thành phố Hà Nội để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. T1 hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

+ Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 36 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Khuất Đình V 12 (Mười hai)** tháng cải tạo không giam giữ được trừ 06 ngày tạm giữ mức hình phạt còn lại bị cáo phải chấp hành là 11 tháng 12 ngày. Thời gian chấp hành án được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện B nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Khuất Đình V. Giao bị cáo về UBND xã MQ, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội để giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo của bị cáo.

Xử phạt bị cáo **Chu Văn C 12 (Mười hai)** tháng cải tạo không giam giữ được trừ 06 ngày tạm giữ mức hình phạt còn lại bị cáo phải chấp hành là 11 tháng 12 ngày. Thời gian chấp hành án được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện B nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Chu Văn C. Giao bị cáo về UBND xã MQ, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội để giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo của bị cáo.

Xử phạt bị cáo **Lê Trung K 12 (Mười hai)** tháng cải tạo không giam giữ được trừ 06 ngày tạm giữ mức hình phạt còn lại bị cáo phải chấp hành là 11 tháng 12 ngày. Thời gian chấp hành án được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện B nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lê Trung K. Giao bị cáo về UBND xã MQ, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội để giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo của bị cáo.

Xử phạt bị cáo **Vũ Văn D 09 (Chín)** tháng cải tạo không giam giữ được trừ 06 ngày tạm giữ mức hình phạt còn lại bị cáo phải chấp hành là 08 tháng 12 ngày. Thời gian chấp hành án được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện B nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Vũ Văn D. Giao bị cáo về UBND xã MQ, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội để giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo của bị cáo.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T 09 (Chín)** tháng cải tạo không giam giữ được trừ 06 ngày tạm giữ mức hình phạt còn lại bị cáo phải chấp hành là 08 tháng 12 ngày. Thời gian chấp hành án được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện B nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Văn T. Giao bị cáo về UBND xã MQ, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội để giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo của bị cáo.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đình T1 09 (Chín)** tháng cải tạo không giam giữ được trừ 05 ngày tạm giữ mức hình phạt còn lại bị cáo phải chấp hành là 08 tháng 15 ngày. Thời gian chấp hành án được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện B nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Đình T1. Giao bị cáo về UBND xã MQ, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội để giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo của bị cáo.

+ Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Ngô Văn S** 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng chẵn)*

+ **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

-Xử phạt bị cáo **Hà Văn L (tức Hà Quang L)** 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng chẵn)*

3/ Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bộ bài tú lơ khơ màu xanh gồm 36 quân bài (đã qua sử dụng)

(Như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25/12/2023 giữa Công an huyện B với Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Hà Nội).

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền: 13.419.000đ (*Mười ba triệu, bốn trăm nghìn đồng)*

- Trả cho bị cáo Phùng Đức M số tiền 2.530.000đ *(Hai triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng)*

(*Theo như Giấy nộp tiền ngày 22/12/2023 của Agribank Chi nhánh huyện B, Hà Tây I – Thông tin người nhận: Chi cục thi hành án dân sự huyện B)*

4/ Án phí: Áp dụng Điều 135 BLTTHS năm 2015; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Phùng Đức M, Ngô Văn S, Chu Văn C, Lê Trung K, Khuất Đình V, Vũ Văn D, Nguyễn Văn T, Hà Văn L, Nguyễn Đình T1, Phạm Đức S1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo : Áp dụng Điều 331 BLTTHS năm 2015.

Các bị cáo Phùng Đức M, Ngô Văn S, Chu Văn C, Lê Trung K, Khuất Đình V, Vũ Văn D, Nguyễn Văn T, Hà Văn L, Nguyễn Đình T1, Phạm Đức S1 được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự"

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND TP. Hà Nội;*
- *Viện KSND huyện B;*
- *Chi cục THADS huyện B;*
- *Công an huyện B;*

- Người tham gia tố tụng;

- Lưu HS, VP.

Ngô Thị Thu Hường